

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Võ Trường	Sinh	3671040796	01/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
2	Đạt Huỳnh	Nghĩa	3771040770	23/10/1995	5,00	2,30	3,10	
3	Trần Văn	Khôi	3771040777	28/12/1995	7,00	7,80	7,60	
4	Kiều Đình	Dũng	3771040778	10/01/1994	5,00	3,80	4,20	
5	Phạm Hồng	Tâm	3771040789	15/03/1995	5,00	3,50	4,00	
6	Hán Văn	Truyền	3771040791	12/07/1995	7,00	6,50	6,70	
7	Đâu Văn	Chiến	3771040795	10/03/1995	7,00	1,30	3,00	
8	Lê Thành	Cảnh	3771040797	19/09/1995	7,00	6,00	6,30	
9	Nguyễn Trần Ngọc	Thiện	3771040811	30/01/1994	5,00	3,00	3,60	
10	Lê Thị Kiều	Ngọc	3771040829	01/08/1995	7,00	5,50	6,00	
11	Hồ Thanh	Liêm	3771040844	10/11/1994	6,00	1,80	3,10	
12	Lê Nguyễn Đức	Hưng	3771040847	19/05/1995	,00	,00	,00	CT
13	Huỳnh Minh	Tân	3771040850	21/11/1995	9,00	2,80	4,70	
14	La Quang	Tuấn	3771040856	29/05/1995	10,00	7,50	8,30	
15	Hồ Văn	Tân	3771040859	13/11/1994	8,00	3,80	5,10	
16	Nguyễn Quốc	Khánh	3771040861	09/04/1994	9,00	7,00	7,60	
17	Nguyễn Hoàng	Diệm	3771040865	20/07/1995	6,00	6,80	6,60	
18	Nguyễn Thanh	Bình	3771040872	25/09/1995	6,00	4,30	4,80	
19	Ngô Trung	Việt	3771040876	18/09/1993	5,00	1,50	2,60	
20	Huỳnh Văn	Hòa	3771040892	14/02/1995	6,00	3,80	4,50	
21	Nguyễn Hồng	Sang	3771040894	01/09/1995	10,00	3,30	5,30	
22	Ninh Văn	Tuấn	3771040901	15/05/1994	6,00	2,30	3,40	
23	Trần Thành	Nam	3771040925	25/11/1994	5,00	3,50	4,00	
24	Triệu Văn	Hậu	3771041003	12/12/1994	6,00			
25	Nguyễn Đăng	Phú	3771041008	30/10/1993	,00	,00	,00	CT
26	Trần Huỳnh Thanh	Tâm	3771041009	17/08/1995	9,00	7,00	7,60	
27	Phan Hữu	Phước	3771041013	14/07/1995	,00	,00	,00	CT
28	Phạm Thành	Duy	3771041014	22/03/1995	8,00	2,00	3,80	
29	Nguyễn Chí	Trung	3771041024	25/04/1994	7,00	2,80	4,10	
30	Phạm Thành	Đạt	3771041026	02/06/1995	5,00	3,90	4,20	
31	Bùi Di	Thức	3771041034	05/01/1993	7,00	3,00	4,20	
32	Trịnh Chí	Linh	3771041036	14/06/1995	7,00	2,80	4,10	
33	Võ Quốc	Đạt	3771041040	23/10/1994	6,00	2,00	3,20	
34	Phan Khắc	Huy	3771041049	29/09/1995	6,00	5,30	5,50	
35	Bùi Đình	Long	3771041056	15/08/1995	7,00			

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Hoàng	Thiện	3771041059	06/11/1995	,00	,00	,00	CT
37	Lê Minh	Nhật	3771041097	15/04/1995	6,00	2,30	3,40	
38	Nguyễn Hồng	Thạch	3771041104	25/09/1995	8,00	2,50	4,20	
39	Phạm Minh	Trung	3771041115	30/04/1995	10,00	1,80	4,30	
40	Võ Thanh	Mạnh	3771041138	24/04/1995	8,00	5,80	6,50	
41	Trịnh Văn	Nhân	3771041155	06/01/1995	6,00	1,80	3,10	
42	Trần Quốc	Đạt	3771041214	08/02/1995	9,00	7,30	7,80	
43	Hồ Hoàng	Tuấn	3771041223	14/01/1995	8,00	4,80	5,80	
44	Nguyễn Khắc	Hùng	3771041237	05/08/1994	9,00	3,30	5,00	
45	Lương Bá	Quang	3771041256	01/08/1995	8,00	6,50	7,00	
46	Thái Đình	Khang	3771041264	10/05/1995	6,00	1,50	2,90	
47	Lương Mạnh	Việt	3771041287	08/11/1995	,00	,00	,00	CT
48	Triệu Thị	Yến	3771041297	14/09/1995	5,00	3,00	3,60	
49	Hồ Sỹ	Huyền	3771041300	19/02/1994	5,00	1,00	2,20	
50	Đình Bạt	Phú	3771041315	06/09/1995	6,00			
51	Trần Nhất	Trí	3771041320	04/02/1994	7,00	4,80	5,50	
52	Nguyễn Ngọc	Sanh	3771041359	21/02/1995	5,00	3,30	3,80	
53	Nguyễn Văn	Quang	3771041395	08/07/1992	7,00	3,00	4,20	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)